BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHAN THỊ HUỆ

GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. NINH THỊ THU THỦY**

Phản biện 1: **PGS.TS Bùi Quang Bình**

Phản biện 2: **TS. Huỳnh Năm**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 11 tháng 12 năm 2011

** Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng .

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đói nghèo là vấn đề vừa mang tính kinh tế, vừa để lại cho xã hội nhiều hậu quả nặng nề. Đói nghèo tạo ra một vòng luẩn quẩn: Đói nghèo, thu nhập thấp dẫn đến trình độ giáo dục thấp, kéo theo cơ hội việc làm ít từ đó lại gây ra đói nghèo. Vì vậy, giảm nghèo là vấn đề đang được thành phố Đà Nẵng nói riêng và cả nước nói chung đặc biệt quan tâm, thành phố đã có rất nghiều chính sách và giải pháp giảm nghèo, nhưng số hộ nghèo vẫn còn tồn tại và thậm chí có xu hướng tái nghèo. Vậy nguyên nhân nào dẫn đến nghèo đói là làm cách nào để giảm nghèo là những câu hỏi cần sớm có đáp án để giúp người dân thoát nghèo một cách bền vững và góp phần đưa Thành phố Đà Nẵng ngày một phát triển hơn nữa. Để trả lời câu hỏi đó, tôi đã chọn và nghiên cứu đề tài: "Giải pháp giảm nghèo tại thành phố Đà Nẵng

2. Mục đích nghiên cứu

Đề tài sẽ đi làm rõ lý luận về giảm nghèo và công tác giảm nghèo tại Đà Nẵng.

Nêu và phân tích ra những chính sách giảm nghèo đã được thành phố áp dụng trong thời gian qua.

Trình bày những mặt được và hạn chế trong công tác giảm nghèo ở Đà Nẵng.

Trên cơ sở nghiên cứu và hệ thống hóa những lý luận và thực tiễn về giảm nghèo đề tài sẽ đề xuất những kiến nghị và giải pháp nhằm giảm nghèo hiệu quả.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Hộ nghèo tại thành phố Đà Nẵng và các chính sách giảm nghèo của thành phố.

4. Phương pháp nghiên cứu

Tổng hợp, phân tích, so sánh, đánh giá, ... từ các số liệu, tài liệu thu thập được.

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, danh mục các tài liệu tham khảo, danh mục các chữ viết tắt, danh mục bảng biểu và sơ đồ, mục lục và kết luận, Luận văn được trình bày thành 3 chương.

6. Tình hình nghiên cứu đề tài

Giảm nghèo là vấn đề đang được thành phố Đà Nẵng nói riêng và cả nước nói chung đặc biệt quan tâm trong quá trình phát triển kinh tế. Chính vì thế đã có rất nhiều công trình, bài báo nghiên cứu về vấn đề này. Tiêu biểu có một số công trình sau:

- Nguyễn Thị Hằng, Vấn đề xóa đói giảm nghèo ở nông thôn nước ta hiện nay, Nxb Chính trị quốc gia,1997.

- Trần Thị Hằng, Vấn đề giảm nghèo trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay, Luận án Tiến sỹ kinh tế, Học Viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2000.

- PGS.TSKH Lê Du Phong – PTS. Hoàng Văn Hoa (đồng chủ biên), Kinh tế thị trường và sự phân hóa giàu nghèo ở vùng dân tộc và miền núi phía Bắc nước ta hiện nay, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.

Ngoài ra còn nhiều bài báo đăng trên các tạp chí viết về vấn đề nghèo đói ở Việt Nam như:

- PGS.TS Phạm Quý Thọ - Đại học kịnh tế Quốc dân, Thực trạng giảm nghèo ở Việt Nam, Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 95, 5/2005.

- Trịnh Quang Chinh, Một số kinh nghiệm từ chương trình xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai, Tạp chí Lao động và Xã hội số 272, 10/2005.

- TS. Đàm Hữu Đắc, Cuộc chiến chống đói nghèo ở Việt Nam, thực trạng và giải pháp, Tạp chí Lao động xã hôi số 272, 10/2005....

Có thể nói, các công trình nghiên cứu về nghèo đói và xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam hết sức phong phú, đa dạng ở nhiều khía cạnh của đói nghèo. Từ mối quan hệ giữa tăng trưởng và nghèo đói đến sự phân hóa giàu nghèo, thực trạng nghèo đói ở Việt Nam và một số tỉnh thành như Lào Cai, Quảng Bình, Hòa Bình… Tuy nhiên vấn đề giảm nghèo ở Thành phố Đã Nẵng cho đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu về nghèo và giảm nghèo ở thành phố Đà Nẵng. Đối với đô thị loại 1 này việc giảm nghèo cũng đang mang tính bức xúc và được tất cả các cấp lãnh đạo chính quyền quan tâm. Chính vì thế học viên đã chọn đề tài "Giải pháp giảm nghèo tại thành phố Đà Nẵng" để làm luận văn.

7. Hướng đóng góp chính của luận văn.

Đưa ra được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo tại thành phố Đà Nẵng

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIẢM NGHÈO

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGHÈO

1.1.1. Quan niệm về nghèo

- **Quan niệm về nghèo trên thế giới**

Có khá nhiều khái niệm khác nhau về nghèo đói, tùy thuộc vào cách tiếp cận, thời gian nghiên cứu và sự phát triển kinh tế của một quốc gia mà có những quan niệm khác nhau về nghèo đói.

Hội nghị bàn về giảm nghèo đói trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương do ESCAP tổ chức vào tháng 9/1993 tại Bangkok (Thái Lan), các quốc gia trong khu vực đã thống nhất cho rằng:"nghèo đói là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của con người đã được XH thừa nhận, tùy theo trình độ phát triển KT-XH và phong tục tập quán của từng địa phương. Đây là khái niệm khá đầy đủ về đói nghèo và được nhiều nước trên thế giới sử dụng trong đó có Việt Nam.

- **Quan niệm về nghèo ở Việt Nam**

Việt Nam thừa nhận khái niệm nghèo đói do tổ chức ESCAP đưa ra. Bên cạnh đó còn có một số khái niệm liên quan như: hộ nghèo, xã nghèo,...

1.1.2. Chuẩn nghèo

- Tiêu chí xác định chuẩn nghèo của thế giới
  - Tiêu chí đánh xác định chuẩn nghèo của UNDP
  - Tiêu chí xác định chuẩn nghèo của WB

- Tiêu chí xác định chuẩn nghèo của Việt Nam

Ở Việt Nam trong những năm qua đã dựa trên 2 căn cứ để xác định chuẩn nghèo. Một là căn cứ vào chuẩn nghèo của Chính phủ do Bộ LĐ-TB&XH công bố. Hai là chuẩn nghèo của Tổng cục Thống kê và Ngân Hàng thế giới. Hiện nay, chủ yếu là sử dụng chuẩn nghèo do Bộ LĐ-TB&XH đưa ra. Chuẩn nghèo này được tính toán dựa vào nhu cầu chi tiêu cơ bản của lương thực, thực phẩm (nhu cầu ăn hàng ngày) và nhu cầu chi tiêu phi lương thực, thực phẩm (mặc, nhà ở, y tế, giáo dục, văn hoá, đi lại, giao tiếp xã hội).

1.1.3. Các nguyên nhân dẫn đến nghèo

1.1.3.1. Nguyên nhân liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

- Nguyên nhân về điều kiện tự nhiên
- Nguyên nhân về kinh tế
- Nguyên nhân xã hội:

1.1.3.2. Các nguyên nhân thuộc bản thân người nghèo

- Quy mô hộ lớn, tỷ lệ phụ thuộc cao
- Trình độ học vấn thấp
- Không có việc làm hoặc việc làm không ổn định
- Thiếu vốn hoặc thiếu phương tiện sản xuất
- Do ốm yếu, bệnh tật

1.2. GIẢM NGHÈO

1.2.1. Khái niệm giảm nghèo

Giảm nghèo là làm cho bộ phận dân cư nghèo nâng cao mức sống, từng bước thoát khỏi tình trạng nghèo

1.2.2. Sự cần thiết phải giảm nghèo

- Tác động về kinh tế
- Tác động về xã hội

XĐGN là sự cần thiết và là sự kết hợp thống nhất giữa các chính sách kinh tế và xã hội, giữ vững về chính trị. Nghèo đói tước hết là vấn đề kinh tế đồng thời cũng là vấn đề xã hội có tác động sâu sắc đến quan hệ xã hội, làm phát sinh các tệ nạn, gây mất ổn định xã hội và có thể làm mất ổn định về chính trị. Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường như nước ta hiện nay, XĐGN là yếu tố cơ bản để đảm bảo công bằng xã hội và tăng trưởng kinh tế bền vững. Ngược lại, chỉ có tăng trưởng kinh tế bền vững mới có sức mạnh vật chất để hỗ trợ và tạo cơ hội cho người nghèo vươn lên thoát nghèo.

1.2.3. Nội dung giảm nghèo

1.2.3.1. Tạo điều kiện để hộ nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập

Chúng ta có thể làm tăng thu nhập cho người nghèo thông qua những chính sách như sau:

- Đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người nghèo
- Hướng dẫn cách làm ăn thông qua các dự án khuyến nông – lâm - ngư
- Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo

1.2.3.2. Tăng cường các chính sách hỗ trợ cải thiện điều kiện sống cho người nghèo

- Hỗ trợ về đất sản xuất, nhà ở, điện, nước sinh hoạt

- Hỗ trợ về giáo dục, y tế:

- Trợ giúp pháp lý cho người nghèo
- Bảo trợ xã hội

1.2.4. Một số tiêu chí phản ánh giảm nghèo

- Tăng thu nhập bình quân hộ nghèo
- Tăng số hộ thoát nghèo
- Giảm tỷ lệ hộ tái nghèo
- Các tiêu chí khác như: tình trạng việc làm, tình trạng cải thiện nhà ở và sinh hoạt, chăm sóc sức khỏe,...

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIẢM NGHÈO

1.3.1. Nhân tố về cơ chế chính sách

1.3.2. Công tác tổ chức thực hiện

1.3.3. Ý thức vươn lên thoát nghèo

1.4. KINH NGHIỆM THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC VỀ GIẢM NGHÈO

1.4.1. Kinh nghiệm của Trung Quốc

1.4.2. Kinh nghiệm của Brazil

1.4.3. Kinh nghiệm của Thành phố Hồ Chí Minh

1.4.4. Kinh nghiệm của tỉnh Bình Dương

1.4.5. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Đà Nẵng trong công tác giảm nghèo

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương một tác giả đã đi vào tổng hợp các lý luận về nghèo và giảm nghèo. Nêu được nội dung của giảm nghèo và các tiêu chi đánh giá về việc giảm nghèo. Kinh nghiệm trong và ngoài nước về giảm nghèo và bài học kinh nghiệm rút ra cho Đà Nẵng.

Chương 2
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TRONG THỜI GIAN QUA

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGHÈO VÀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Trong những năm qua hầu hết các chỉ tiêu kinh tế, xã hội đều tăng cho thấy rất có lợi cho giảm nghèo tại thành phố Đà Nẵng, là cơ hội cho người nghèo tìm kiếm công ăn việc làm, tạo thu nhập.

2.2. THỰC TRẠNG NGHÈO VÀ ĐẶC ĐIỂM HỘ NGHÈO Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.2.1. Biến động hộ nghèo tại thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua

Thành phố Đà Nẵng đang trên đà phát triển và hội nhập. Trong những năm qua đời sống của người dân đã từng bước được cải thiện, công tác xoá đói giảm nghèo của thành phố đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên nghèo đói vẫn còn tồn tại và ngày càng đa chiều, khó nhận dạng hơn.

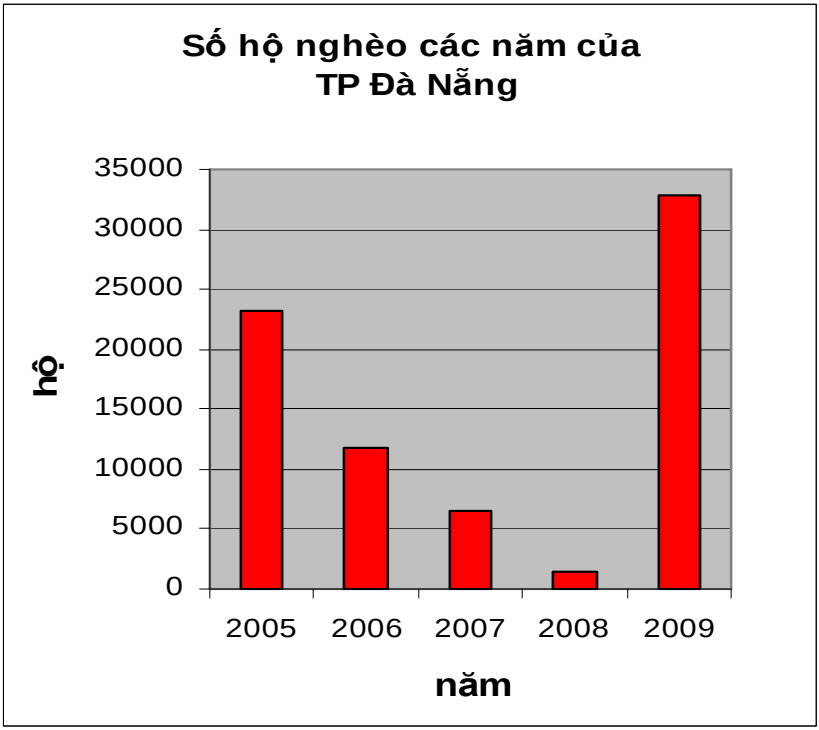

2.2.2. Tình hình hộ nghèo theo khu vực của thành phố Đà Nẵng

2.2.3. Nghèo đói theo thu nhập

Cùng với sự tăng lên của thu nhập theo thời gian thì sự phân hoá giàu nghèo cũng có xu hướng gia tăng. Chênh lêch thu nhập bình quân nhân khẩu của nhóm nghèo nhất và nhóm giàu nhất ở Đà Nẵng năm 2002 là 5,4 lần, năm 2006 là 5,6 lần và năm 2008 là 6,1 lần.

2.2.4. Quy mô hộ và lao động của hộ nghèo

2.2.4.1. Quy mô hộ nghèo

Theo kết quả điều tra khảo sát của Cục thống kê Đà Nẵng năm 2008, thì nhân khẩu bình quân toàn thành phố qua các năm tương đối ổn định. Riêng năm 2008 là 4.3 người/hộ trong đó khu vực

nông thôn là 4.33 người/hộ, khu vực thành thị là 4.11 người/hộ phù hợp với quy luật chung là số nhân khẩu/hộ nghèo ở vùng nông thôn lớn hơn vùng thành thị.

2.2.4.2. Lao động, việc làm của hộ nghèo

Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động năm 2008 ở Đà Nẵng là 64.05%, số lao động bình quân/hộ là 2.75 người. Tỷ lệ người có việc làm là 52,74%. Số giờ làm việc trung bình 1 người 1 tuần của lao động từ 15 tuổi trở lên ở nhóm 1 đạt mức thấp 32,14 giờ/tuần, trong khi đó số giờ làm việc trung bình 1 người trong tuần ở nhóm 5 là 46,87 giờ.

2.2.5. Giới tính, văn hoá và sức khoẻ của chủ hộ

Bảng 2.15: Tỷ lệ hộ chia theo giới tính của chủ hộ (đơn vị tính: %)

Giới tính của chủ hộ	Năm 2002	Năm 2004	Năm 2006	Năm 2008
Nam	7,27	8,30	5,56	7,85
Nữ	5,64	12,35	14,29	17,99

(Nguồn: Khảo sát mức sống hộ gia đình - Cục thống kê Đà Nẵng)

Chủ hộ nghèo là nữ chiếm tỷ lệ tương đối cao và có xu hướng tăng dần qua các năm. Năm 2002, hộ nghèo là nữ mới chỉ chiếm 5,64%, đến năm 2008 con số này đã tăng gấp 3 lần, lên là 17,15%.

Tỷ lệ người có bằng cấp Đại học, cao đẳng trở lên chỉ chiếm khoảng 1.85% tỷ lệ hộ nghèo và tập trung chủ yếu ở khu vực thành thị. Trung học chuyên nghiệp có cao hơn nhưng cũng chỉ khoảng 3% còn phần lớn là chưa học hết lớp một hoặc chưa bao giờ đến trường chiếm tỷ lệ cao 30%.

2.2.6. Các điều kiện sống và sinh hoạt cơ bản của hộ nghèo

Về loại nhà đang ở thì 13,6% hộ thuộc diện nghèo ở nhà đơn sơ, 16,6% ở nhà kiên cố. Trong khi toàn thành phố chỉ có 2,8% hộ ở nhà đơn sơ. Diện tích ở bình quân của hộ nghèo chỉ 14,6m2/người tương đương 56,8m2/hộ; so với mức bình quân chung toàn Thành phố thì thấp hơn hẳn. Tuy nhiên diện tích ở bình quân của hộ nghèo vẫn còn cao hơn so với các khu đô thị lớn như TP Hồ Chí Minh, Hà Nội.

Chỉ có 39,4% hộ nghèo sử dụng nước máy trong ăn uống trong khi toàn Thành phố có tỷ lệ là 65,8%. Tương tự tỷ lệ sử dụng nước máy trong sinh hoạt là 25,7%, toàn Thành phố là 48,4%.

Tỷ lệ hộ nghèo có hố xí hợp vệ sinh là 78,2%, trong khi toàn thành phố có 93,9% hộ có hố xí hợp vệ sinh, riêng vùng nông thôn tỷ lệ hộ có hố xí hợp vệ sinh là 64,4, còn lại một số hộ ở vùng nông thôn có hố xí thô sơ, không có hố xí.

Không hộ nào có máy vi tính, trong khi đó tính chung toàn Thành phố có 34% hộ có máy vi tính.

2.3. THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Ngay từ những năm đầu tiên khi tách tỉnh, phong trào xoá đói giảm nghèo đã được các cấp uỷ đảng và chính quyền đặc biệt quan tâm. Công tác xoá đói giảm nghèo đã trở thành nhiệm vụ chính trị quan trọng của các cấp uỷ đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và được tổ chức thực hiện theo những chương trình độc lập, với những nội dung giải pháp cụ thể, chặt chẽ từ Thành phố đến cơ sở. Các chương trình xoá đói giảm nghèo tại thành phố Đà Nẵng luôn được quan tâm chỉ đạo sát sao và có hiệu quả trong từng giai đoạn. Việc giảm nghèo tại Đà Nẵng thể hiện rất thiết thực qua các chính sách, chế độ được ban hành để giúp đỡ trực tiếp cho

người nghèo như: chương trình xóa nhà tạm, đề án giảm nghèo,...

2.3.1. Chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người nghèo

Đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động là một trong những giải pháp cơ bản của chương trình xoá đói giảm nghèo của Thành phố.

Giai đoạn	Số người (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Kinh phí trung bình/người (triệu đồng)
2001-2004	29478	34941.6	9.383
2005-2008	3133	3726.6	1.1885
2008-2009	1604	2359.24	1.4708

Nguồn: Sở Lao động Thương binh & Xã hội Đà Nẵng

Theo số liệu bảng trên, số kinh phí được hỗ trợ ngày càng có xu hướng tăng lên trên mỗi người nghèo qua các giai đoạn. Cụ thể: giai đoạn 2001-2005 kinh phí hỗ trợ/người là 9,3 triệu đồng, giai đoạn 2005-2006 đã tăng lên hơn 11 triệu đồng. Và chỉ trong 2 năm 2009-2010, số tiền hỗ trợ /người đã đạt hơn 14 triệu đồng. Chính nhờ có sự quan tâm của Thành phố như vậy rất nhiều người nghèo đã được đào tạo và có cơ hội tìm được việc làm.

2.3.2. Hướng dẫn người nghèo cách làm ăn thông qua các dự án khuyến nông, lâm, ngư

- Giai đoạn 2005-2008 có 21940 người được hỗ trợ với kinh phí 232,11 triệu đồng. Các hội, đoàn thể cũng hết sức quan tâm đến việc hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao kỹ thuật cũng như định hướng sản xuất kinh doanh cho người nghèo. Quỹ Bảo trợ trẻ em thành phố thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội vận động tổ chức AOG hỗ trợ con giống cho 150 hộ nghèo chăn nuôi, tăng thu

nhập với số tiền 250 triệu đồng.

- Năm 2009 có 1597 người được hướng dẫn cách làm ăn với kinh phí hỗ trợ 692,42 triệu đồng. Chương trình đã xây dựng 3 mô hình chăn nuôi bò cái sinh sản cho 77 hộ nghèo (đặc biệt có 35 hộ đồng bào Cơtu nghèo). tổ chức 35 lớp tập huấn chăn nuôi, trồng trọt vho 1470 người nghèo, với kinh phí 500 triệu đồng. Đồng thời hỗ trợ cho 50 hộ nghèo phát triển nuôi cá nước ngọt (105.000 con cá diêu hồng, cá rô phi đơn tính), với kinh phí 36 triệu đồng và tập huấn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, các tàu khai thác thuỷ sản nhà nước cấm khai thác, với kinh phí 135 triệu đồng.

- Sang năm 2010, chính sách hỗ trợ người nghèo cách làm ăn lại tiếp tục phát huy được tác dụng. Trong năm có 4511 người được hướng dẫn với kinh phí trên 350 triệu đồng. Các lớp tập huấn về kỹ thuật sản xuất nấm ăn, kỹ thuật chăn nuôi bò, heo, nuôi cá nước ngọt, kỹ thuật phân bón và bón phân hợp lý,... tiếp tục được triển khai. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã tổ chức 35 lớp tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi heo, chăn nuôi bò, rau sạch cho 554 lượt hộ nghèo và giới thiệu 27 mô hình khuyến nông, lâm ngư, trình diễn tại các quận Cẩm Lệ và Hòa Vang.; Hội Nông dân thành phố phối hợp với UBND phường Hòa Xuân tổ chức lớp trồng nấm cho 52 nông dân thuộc diện nghèo; Hội Cựu chiến binh thành phố tổ chức hướng dẫn cách làm ăn cho gần 200 hội viên. Ngoài ra, các Quận, huyện trong thành phố như Quận Ngũ Hành Sơn, Quận Hải Châu, Quận Liên Chiểu cũng tích cực tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn cách làm ăn cho các hộ nghèo.

2.3.3. Chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo

Tổng kết 4 giai đoạn, thành phố đã hỗ trợ cho hơn 230 nghìn hộ nghèo với số vốn 1.210 tỷ đồng. Kinh phí hỗ trợ trung bình/hộ

cũng tăng dần theo tưng giai đoạn. Theo bảng, giai đoạn 1997-2000 mỗi hộ được hỗ trợ trung bình khoảng gần 2 triệu, nhưng đến giai đoạn 2005-2008 đã tăng lên gấp 3,4 lần. Chỉ riêng trong 2 năm 2009 và 2010, đã có tới 12.649 hộ được hỗ trợ vay vốn với kinh phí trung bình mỗi hộ được vay khoảng 13,5 triệu đồng.

Bảng 2.20: Tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng trong năm 2009

Năm 2009	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH
Tổng kinh phí cho vay (tỷ đồng)	314	330,6	105
Mức vay bình quân (Tỷ đồng)	10	13,47	134,7

Đến cuối năm 2009, thành phố đã nâng tổng kinh phí cho vay lên 330,6 tỷ đồng, đạt 105% so với kế hoạch. Mức vay bình quân/ hộ cũng tăng lên 34,7% so với dự kiến đầu năm của thành phố.

2.3.4. Chương trình xóa nhà tạm, hỗ trợ điện, nước sinh hoạt

Hỗ trợ người nghèo về nhà ở là một trong những giải pháp có tính đột phá của thành phố Đà Nẵng. Trong những năm qua, giải pháp này đã phát huy hiệu quả, giúp hộ nghèo ổn định cuộc sống, an tâm làm ăn để thoát nghèo.

Bảng 2.23: Tình hình hỗ trợ nhà ở, điện nước, công trình vệ sinh (2005-2010)

Năm	**Xây nhà đại đoàn kết**	**Sửa chữa nâng cấp nhà ở**	**Lắp đặt điện nước**	**Hỗ trợ các g trình vệ sinh**
2005	651	122		
2006	711	200	1356	9
2007	774	1265	482	228

2008	372	144	222	42
2009	384	256	219	121
2010	317	278	258	246
Tổng cộng	**3209**	**2265**	**2537**	**646**

Nguồn: Sở Lao động TB&XH Đà Nẵng

2.3.5. Chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục cho hộ nghèo

2.3.5.1. Về y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người nghèo luôn được thành phố quan tâm kịp thời. Các hộ nghèo được khám chữa bệnh miễn phí tại các cơ sở y tế của Nhà nước.

Giai đoạn 2001 – 2004 Thành phố đã cấp 88.554 thẻ BHYT cho người nghèo với tổng kinh phí 3,321 triệu đồng. Riêng năm 2004 cấp 21.803 thẻ, kinh phí 1,090 triệu đồng. Ngoài ra còn vận động các tổ chức nhân đạo, từ thiện, các nhà hảo tâm tổ chức khám, chữa bệnh miễn phí cho 72.509 lượt đối tượng xã hội có hoàn cảnh khó khăn, với kinh phí trên 1.724 triệu đồng. Giai đoạn 2005 – 2008, đã giúp cho người nghèo và người thoát nghèo 2 năm được hưởng đầy đủ chính sách bảo hiểm y tế, bên cạnh đó còn hỗ trợ miễn giảm một phần viện phí cho những người mắc bệnh hiểm nghèo hoàn cảnh gia đình khó khăn với kinh phí 329,1 triệu đồng.

2.3.5.2. Về Giáo dục

Với mục tiêu hỗ trợ con em hộ nghèo được tới trường học tập bình đẳng như các trẻ em khác nhằm góp phần nâng cao trình độ văn hoá của người nghèo để giảm nghèo bền vững. Thành phố có chủ trương hỗ trợ giáo dục dưới các hình thức xã hội hoá giáo dục, đẩy mạnh các hình thức giáo dục không chính qui cho trẻ em không đến trường và người mù chữ, động viên số trẻ bỏ học trở lại lớp, số trẻ chưa đi học vào các trường phổ thông hoặc lớp học tình thương

do sở giáo dục đào tạo phối hợp với địa phương tổ chức thực hiện. - Giai đoạn 2005 – 2008: Có 271.498 lượt con em hộ nghèo được miễn giảm học phí và 16.359 em được miễn giảm tiền xây dựng trường, hỗ trợ vở, bút, sách giáo khoa cho học sinh với tổng kinh phí là 3.964 triệu đồng.

Ngoài ra còn vận động các địa phương và các hội, đoàn thể khác như: Hội từ hiện, Hội người mù, Hội Bảo trợ Người tàn tật và Trẻ mồ côi, Hội Chữ thập đỏ bằng nguồn lực của mình, đã cấp học bổng và hỗ trợ sách vở, dụng cụ học tập cho 5.213 học sinh con hộ nghèo với kinh phí 1.896,727 triệu đồng.

2.3.6. Chính sách bảo trợ xã hội

Những hậu quả nặng nề của chiến tranh, những rủi ro bất khả kháng trong cuộc sống, quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, sự phát triển không đồng đều giữa các vùng, miền, giữa các nhóm dân cư… đã tạo ra một nhóm người trong cộng đồng cần được bảo trợ, giúp họ khắc phục những khó khăn trước mắt cũng như lâu dài trong đời sống, vươn lên hoà nhập cộng đồng. Để giúp đỡ những đối tượng này thành phố thực hiện 2 chính sách cơ bản đó là: bảo trợ xã hội thường xuyên và bảo trợ đột xuất

- ***Bảo trợ xã hội thường xuyên***

Mức trợ cấp sinh hoạt phí nuôi dưỡng hàng tháng cho mỗi đối tượng tại cơ sở xã hội là 84.000 đồng/người/tháng; đến tháng 6/1997 thì mức này tăng lên mức 96.000 đồng/người/tháng; tháng 3/2000 tăng lên mức 100.000 đồng/người/tháng; tháng 9/2004 tăng lên mức 140.000 đồng/người/tháng, riêng trẻ em dưới 18 tháng tuổi phải ăn thêm sữa và trẻ bị nhiễm HIV/AIDS thì áp dụng mức 210.000 đồng/trẻ/tháng, người tâm thần mãn tính áp dụng mức 160.000 đồng/người/tháng.

➢ ***Bảo trợ đột xuất***

Từ năm 1997 đến 2009, thiệt hại về dân sinh do thiên tai là rất lớn. Đặc biệt là trong các trận bão, lụt lịch sử năm 1998,1999, 2006, 2007. Với truyền thống nhân văn tốt đẹp của dân tộc, công tác cứu trợ khẩn cấp thường thu hút được sự quan tâm rất lớn của cộng đồng, các thành viên trong xã hội, nhằm chia sẽ những mất mát, thiệt hại của người dân trên địa bàn. Năm có người bị chết, mất tích nhiều nhất là năm 2006 (109 người); Nhà bị đổ, sập, trôi, cháy cao nhất là 9.399 (năm 2006). Người thiếu lương thực năm cao nhất 50.020 người (năm 2006). Thiệt hại do thiên tai gây ra năm cao nhất lên tới 5.290 tỷ đồng (năm 2006). Rủi ro lớn nhất vẫn là trình trạng người bị chết trong đó có tỷ lệ đáng kể là trẻ em.

2.3.7. Một số nguyên nhân giảm nghèo trong thời gian qua

+ Công tác tổ chức thực hiện các chương trình giảm nghèo

Thành phố đã xây dựng được một hệ thống chỉ đạo, giám sát từ Thành phố đến Quận, huyện. Không chỉ xây dựng các đề án giảm nghèo cho từng giai đoạn cụ thể mà còn xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của ban chỉ đạo đối với chương trình giảm nghèo.

+ Công tác đào tạo cán bộ làm công tác giảm nghèo

Trong 4 năm 2005-2008 đã có 4493 lượt cán bộ trong chương trình được tham gia các lớp đào tạo tập huấn nâng cao năng lực.

Theo báo cáo, năm 2009 Sở Lao độngTB&XH đã tổ chức 4 lớp tập huấn cho 280 lượt cán bộ làm công tác giảm nghèo của 56 xã, phường và 7 quận huyện về công tác giảm nghèo, các chính sách bảo trợ xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

+ Công tác truyền thông, tuyên truyền

Để nâng cao hoạt động nhận thức về tầm quan trọng của chương trình giảm nghèo của thành phố, ý thức vươn lên thoát nghèo của người nghèo và huy động sự tham gia đóng góp của các ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội và mọi người dân cho chương trình giảm nghèo. Sở Lao động Thương binh & Xã hội đã phối hợp với Trung tâm truyền hình Việt Nam tại Đà Nẵng thực hiện chương tình "Đối thoại với người nghèo" phát sóng trực tiếp, Đài phát thanh truyền hình Đà Nẵng thực hiện chuyên mục "Vì người nghèo phát sóng định kỳ hàng tháng, tổ chức toạ đàm. Các chuyên mục đã nêu được những mô hình hay trong công tác giảm nghèo, những tấm gương tốt trong hỗ trợ người nghèo và huy động được nhiều sự đóng góp thiết thực cho người nghèo.

Trong những năm qua được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Thành uỷ, HĐND, UBND, Chương trình giảm nghèo của thành phố được thực hiện một cách toàn diện và đều khắp, đã tác động nhiều chiều và kịp thời đến các đối tượng trong chương trình, mang lại lợi ích thiết thực cho người nghèo.

2.3.8. Những tồn tại trong công tác giảm nghèo và nguyên nhân

2.3.8.1. Những tồn tại

- Những năm qua, tỷ lệ hộ nghèo toàn thành phố có giảm nhưng nhìn chung kết quả giảm nghèo chưa bền vững. Số hộ thoát nghèo cao nhưng chưa thực sự vững chắc, nguy cơ tái nghèo cao. Năm 2009, cả thành phố có 10.737 hộ thoát nghèo nhưng có đến 1.237 hộ nghèo phát sinh.

- Khoảng cách thu nhập bình quân/người/tháng giữa người nghèo so với thu nhập bình quân chung còn lớn. Thu nhập bình quân của nhóm nghèo năm 2008 là 519 nghìn đồng/người/tháng, trong khi đó thu nhập bình quân cung là 1.418,3 nghìn đồng/người/tháng. Như

vậy khả năng tích luỹ không nhiều nên việc huy động các nguồn lực trong dân để giảm nghèo còn hạn chế.

- Một số địa phương, cơ sở, kể cả một số ngành của thành phố chưa có sự đầu tư, nhận thức ngang với tầm quan trọng của công tác giảm nghèo,...do đó một số nơi đạt kết quả thấp chưa tương xứng với tiềm năng và sự chỉ đạo, đầu tư của thành phố.

- Sự chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện từ thành phố đến cơ sở có lúc, có nơi chưa tập trung đúng mức, thiếu đồng bộ giữa chương trình giảm nghèo với các chương trình khác, làm ảnh hưởng đến sức mạnh tổng hợp và chưa tạo ra được nhiều mô hình, dự án mới cho khu vực, vùng nghèo, xã nghèo.

- Hệ thống chính sách giảm nghèo hiện hành mới chỉ tác động đến người nghèo, tức là họ nghèo rồi thành phố mới hỗ trợ mà chưa chú trọng đến giải pháp phòng ngừa dẫn đến nghèo. Chính sách giảm nghèo chưa bao phủ hết nguyên nhân dẫn đến nghèo.

- Việc xác định hộ nghèo, hộ thoát nghèo ở một số xã/phường thiếu sự tham gia của người dân và không chặt chẽ nên tính chính xác chưa cao.

- Chế độ báo cáo định kỳ ở một số địa phương chưa đều và chất lượng báo cáo chưa cao, giao ban định kỳ chưa duy trì thường xuyên do đó thiếu hụt thông tin dẫn đến chỉ đạo gặp nhiều khó khăn.

- Mức lương cho cán bộ chuyên trách xã/ phường còn quá thấp, do vậy nhiều cán bộ trẻ chưa yên tâm với nhiệm vụ công tác của mình.

- Sự phối hợp giữa chính quyền địa phương với các ngành, mặt trận, hội đoàn thể ở một số địa phương chưa đồng bộ, một số cán bộ chuyên trách yếu về nghiệp vụ chuyên môn do đó việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với người

nghèo chưa đầy đủ để họ tự giác thực hiện. Mặt khác, trong thời gian qua vẫn còn một số tổ trưởng tổ tiết kiệm vay vốn xâm tiêu số tiền vốn, lãi thu được của người nghèo.

2.3.8.2. Nguyên nhân của những tồn tại

+) Nguyên nhân về phía chính quyền

- Năng lực chỉ đạo, điều hành, quản lý và tổ chức thực hiện của chính quyền địa phương

- Do cơ chế chính sách của Nhà nước và Thành phố

+ Về chính sách vay vốn tín dụng

+ Về chính sách giáo dục

+ Về công tác của cán bộ làm công tác giảm nghèo

+ Về các chính sách khác

+ Nguyên nhân từ chính những người nghèo

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương này tác giả đã đưa ra các số liệu về tình hình hộ nghèo ở Thành phố Đà Nẵng thời gian qua. Kết quả về công tác giảm nghèo theo các nội dung giảm nghèo đã nêu trong chương 1. Và rút ra một số kết luận về công tác giảm nghèo cũng như những nguyên nhân hạn chế giảm nghèo.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2011 – 2015

3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO

3.1.2. Những quan điểm, chính sách giảm nghèo của Đảng và Nhà nước

XĐGN là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu và trở thành mục tiêu xuyên suốt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

3.1.3. Mục tiêu giảm nghèo của thành phố Đà Nẵng

- **Mục tiêu cụ thể:**

- Giai đoạn 2011 – 2015

+ Giảm 2,00% - 3,20% hộ nghèo/năm, đến 2015 cơ bản không còn hộ nghèo.

+ Chất lượng cuộc sống của hộ thu nhập thấp được nâng lên cả về vật chất và tinh thần; là cơ sở vững chắc cho việc xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

3.1.4. Phương hướng thực hiện

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YÊU ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2010 -2015

3.2.1. Nhóm giải pháp tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập

3.2.1.1. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm, hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao công nghệ

a. Dự án dạy nghề gắn với tạo việc làm cho người nghèo

b. Hướng dẫn cách làm ăn thông qua dự án khuyến nông- lâm- ngư

c. Nhân rộng mô hình giảm nghèo

3.2.1.2. Chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo

3.2.2. Các chính sách nhằm tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội

3.2.2.1. Chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ cho người nghèo.

Củng cố mạng lưới y tế cơ sở: Đầu tư toàn diện cơ sở vật chất cho các trạm y tế, nhất là tạm y tế ở các xã; đào tạo đội ngũ y, bác sỹ. Hoạt động này thực hiện lồng ghép với "đề án nâng cấp trạm y tế và đầu tư cho các trung tâm giáo dục sức khoẻ" để đẩy mạnh các hoạt động xã hội hoá chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

- Hỗ trợ người nghèo khám chữa bệnh

3.2.2.2. Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo

- Đảm bảo 100% học sinh nghèo các cấp học được miễn giảm học phí, học sinh - sinh viên nghèo được vay vốn ưu đãi để học tập;

- Thực hiện chế độ miễn học phí đối với con hộ nghèo, con hộ thoát nghèo trong thời hạn 2 năm tiếp theo

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong giáo dục

3.2.2.3. Chính sách hỗ trợ nhà ở, điện, nước sinh hoạt

3.2.2.4. Chính sách trợ giúp pháp lý

- Trợ giúp pháp lý miễn phí cho những hộ nghèo có nhu cầu về các lĩnh vực: đất đai, nhà ở, thừa kế, hộ khẩu, hộ tịch, hôn nhân gia đình, chế độ chính sách, bảo hiểm xã hội, lao động việc làm.

3.2.2.5. Chính sách bảo trợ xã hội

- Trợ cấp đột xuất cho đối tượng có hoàn cảnh khó khăn do tai nạn, thiên tai, bệnh hiểm nghèo; trợ cấp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội.

3.2.3. Giải pháp về công tác tổ chức thực hiện

3.2.3.1. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ giảm nghèo

3.2.3.2. Đẩy mạnh huy động nguồn lực cho công tác giảm nghèo

3.2.3.3. Tăng cường sự tham gia của người dân

3.2.3.4. Tăng cường phân cấp quản lý

3.2.3.5. Giám sát và đánh giá

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong chương này tác giả đã đưa ra các căn cứ đề xuất các giải pháp giảm nghèo của thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2010-2015. Đề xuất các giải pháp giảm nghèo theo 2 nội dung giảm nghèo đã nêu ở chương một và nêu một số kiến nghị cho việc giảm nghèo hiệu quả tại thành phố trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Đề tài luận văn "***Giải pháp giảm nghèo tại thành phố Đà Nẵng***" được nghiên cứu nhằm góp phần đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Nêu ra thực trạng nghèo và giảm nghèo tại thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua.

Phân tích các nguyên nhân của giảm nghèo và những hạn chế trong công tác giảm nghèo

Tác giả đề xuất 3 nhóm giải pháp cụ thể nhằm giảm nghèo ở thành phố Đà Nẵng. Bên cạnh đó cũng đề xuất thêm một số kiến nghị để hoàn thiện công tác giảm nghèo trong thời gian tới.